TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124/2023/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và L phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2023/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Nơi thường trú: tổ 5, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Q.

Chỗ ở: tổ 3, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Q.

- Chị Lê Thị Thúy L, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: tổ 5, khu 10, phường B, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thúy L kết hôn với nhau vào ngày 11/7/2007, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh T và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Sau một thời gian hàn gắn và được bố mẹ hai bên khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị L đã quyết định ly thân với nhau từ năm 2019. Anh T và chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy, việc anh, chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thúy L có 01 con chung là Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/10/2007. Khi ly hôn, anh T và chị L thỏa thuận, thống nhất anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Xuân K đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở.

[3] Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thúy L không có tài sản chung; vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về L phí: anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ L phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thúy L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Xuân K, sinh ngày 01/10/2007 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) . Chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Thúy L không có tài sản chung và không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về L phí Tòa án: anh Nguyễn Văn T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001791 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- Viện KSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường B, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Hiệp